

NHỮNG BIỂU TƯỢNG TRONG TRUYỆN NGẮN MÙA HOA CẢI BÊN SÔNG CỦA NGUYỄN QUANG THIỀU

Phú Thùy Hương
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Biểu tượng văn học là một loại kí hiệu đặc biệt, chuyên chở những ý nghĩa văn hoá thâm sâu. Bởi vậy, giải mã biểu tượng là dùng chiếc chìa khoá vàng mở cánh cửa đưa người đọc khám phá “chốn linh thiêng” của những những lâu đài nghệ thuật. Trong truyện ngắn Mùa hoa cải bên sông, nhà văn Nguyễn Quang Thiều đã sử dụng những biểu tượng dòng sông, đất liền với những tri nhận về mối quan hệ giữa sự sống – cái chết; huỷ diệt – tái sinh; đứt gãy – kết nối; ô uế - thanh lọc, tẩy rửa; lạc hậu – văn minh... Bài viết bước đầu khảo sát và tìm ra ý nghĩa văn hoá, nhân sinh qua những biểu tượng này.

Từ khoá: Biểu tượng, truyện ngắn, Mùa hoa cải bên sông, Nguyễn Quang Thiều

1. MỞ ĐẦU

Trong truyện ngắn Việt Nam đương đại, biểu tượng là tín hiệu thẩm mĩ quan trọng để nhà văn tư duy nghệ thuật. Trong đó, có những biểu tượng mang tính bất biến của văn hoá nhân loại nhưng cũng có những biểu tượng mang đặc điểm văn hoá dân tộc đã làm nên một hệ hình văn học hiện đại, tươi mới hơn. Nếu truyện ngắn những năm 1960 có được vẻ đẹp trong veo, nên thơ, trữ tình; truyện ngắn chiến tranh vạm vỡ, chắc chắn thì truyện ngắn đương đại ẩn sâu nhiều biểu tượng văn hoá, triết lí khiến người ta cảm nhận được sức nặng của nó “có những truyện ngắn chỉ mười mười trang thôi, mà có vẻ sức nặng còn hơn cả một cuốn tiểu thuyết trường thiên”. Nguyễn Quang Thiều là một trong số những cây bút truyện ngắn tiêu biểu có đóng góp to lớn cho sự chuyển mình của văn học đương đại với khát vọng “Làm mới lại những gì đã cũ, làm sống lại những gì đã chết”. Trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của mình, ông quan niệm: thế giới này vốn đã tồn tại như vậy, không có điều gì là mới, chỉ có cách nhìn mới về con người và thế giới này. Sứ mệnh của nhà văn là kết nối tất cả những vật thể, dùng những biểu tượng để khai mở thế giới cho người đọc tri nhận được bản chất vốn có, khám phá thêm những triết lí mới mẻ về nó. *Mùa hoa cải bên sông* là truyện ngắn tiêu biểu của Nguyễn Quang Thiều mà theo lời nhận xét của nhà văn Đông La “*Mùa hoa cải bên sông* và *Hai người đàn bà xóm Trại* là hai trụ cột chính làm nên ngôi nhà văn xuôi của Nguyễn Quang

Thiều”. Thông qua các biểu tượng như dòng sông, bến đò, đất liền nhà văn đã xây dựng một bức tranh “hoà trộn tài tình hai gam màu đối nghịch nhau. Một mảng là tình yêu trong sáng... còn mảng đối nghịch là lòng thù hận u tối, trơ lì, chai sạn, là sự trừng phạt tàn khốc khiến lòng ta tiếc nuối, xót xa...”.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan niệm về biểu tượng

Biểu tượng không phải thuật ngữ dành riêng cho văn học mà được sử dụng rộng rãi trong đời sống và trong nhiều ngành khoa học nghệ thuật khác như hội hoạ, âm nhạc, kiến trúc, tâm lí học, văn hoá học... Đó là một loại kí hiệu (symbol) được Ferdinand de Saussure – cha đẻ của kí hiệu học và ngôn ngữ học hiện đại định nghĩa là “một cái gì đó thay thế hoặc diễn giải cho một cái khác” [2; tr. 34]. Nhà phân tâm học Sigmund Freud coi biểu tượng như là “sản phẩm của vô thức cá nhân... diễn đạt một cách gián tiếp, bóng gió và ít nhiều khó nhận ra niềm ham muốn hay các xung đột, là mối liên kết thống nhất nội dung rõ rệt của một hành vi, một tư tưởng, một lời nói với ý nghĩa tiềm ẩn của chúng” [2; tr. 35]. *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới* định nghĩa “biểu tượng làm phát lộ những bí ẩn của vô thức, của hành động, khai mở trí tuệ về cái chưa biết và cái vô tận” [1; tr.24]. Nói cách khác, biểu tượng diễn đạt bằng dấu hiệu, tồn tại trên cơ sở niềm tin, cảm xúc và quy ước, dù chia ra hay kết hợp lại, nó vẫn tiềm tàng những ý nghĩa nhất định, theo

C.G.Liungman “những gì được gọi là biểu tượng khi nó được một nhóm người đồng ý rằng nó có nhiều hơn một ý nghĩa là đại diện cho chính bản thân nó” [2; tr. 35]. Nếu ngôn ngữ giúp con người hiểu nhau thông qua khả năng tri nhận trực tiếp của các giác quan thì biểu tượng có khả năng kết nối con người ở nhiều thời đại, nhiều vùng văn hoá, nhiều nền văn minh khác nhau. Thế giới mà chúng ta đang sống là thế giới những biểu tượng đã được tạo tác và đang được tạo tác để làm phong phú hơn đời sống văn hoá, tinh thần của con người. Nói con người đang sống trong một thế giới biểu tượng quả không sai, nhưng chính xác hơn là một thế giới biểu tượng đang sống trong mỗi chúng ta. Biểu tượng khiến con người cảm thấy mình không phải là sinh linh đơn độc và lạc loài trong cái tập hợp rộng lớn xung quanh. Một thế giới không có biểu tượng sẽ ngột thở: nó sẽ tức thì giết chết đời sống tinh thần của con người. Jean Chavalier từng khẳng định “Thời đại không có biểu tượng là thời đại chết. Một nền văn minh không có biểu tượng thì sẽ chết, nó chỉ còn thuộc về lịch sử”. Trong thuộc tính của mình, biểu tượng nào cũng có hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt; tính bất biến và khả biến. Trong khi tính bất biến mang lại sự ổn định, giá trị phổ quát thì tính khả biến mang đến những điều mới mẻ, phong phú cho sự biểu đạt một biểu tượng ở nền văn hoá này so với nền văn hoá khác.

2.2. Biểu tượng trong văn học

Trong văn học, biểu tượng là phương tiện thẩm mỹ để nhận thức, khám phá những trầm tích văn hoá và giá trị nhân sinh. Nó giúp ta thâm nhập vào thế giới ngầm ẩn bên trong con người, chiếm lĩnh đời sống ở tầng sâu kín. Việc tìm hiểu biểu tượng trong đời sống văn học không chỉ là cách cảm thụ tác phẩm ở phương diện nghệ thuật biểu đạt mà còn giúp ta hiểu được chiều sâu văn hoá cũng như tâm lí sáng tạo của một cộng đồng, một dân tộc. Giải mã biểu tượng trong tác phẩm văn học chính là cách tiếp cận văn học nghệ thuật dưới góc nhìn văn hoá. Tuy nhiên, biểu tượng xuất hiện trong tác phẩm văn học không trùng khít với biểu tượng văn hoá mà được cấu tạo lại thông qua tín hiệu nghệ thuật – ngôn từ. Lúc này, biểu tượng văn hoá là “mẫu gốc” để làm phong phú

hơn cho những biểu tượng văn học. Có những biểu tượng mang ý nghĩa cho sự quy ước chung của cả nhân loại nhưng cũng có những biểu tượng là sự quy ước chủ quan của một tôn giáo, một nền văn minh, một dân tộc. Vì vậy, khi xuất hiện trong một văn bản nghệ thuật, biểu tượng thể hiện tư duy sáng tạo độc đáo riêng của nhà văn về hiện thực khách quan từ cái nhìn văn hoá. Cũng cần phân biệt rõ sự khác nhau giữa hình tượng nghệ thuật và biểu tượng. Nếu hình tượng là sự “tái tạo” hiện thực bằng cảm nhận chủ quan của người nghệ sĩ với dấu ấn cá nhân đậm nét thì biểu tượng lại mang dấu ấn cộng đồng. Hình tượng nghệ thuật mang tính “đơn nghĩa”, đại diện cho một đối tượng cụ thể, duy nhất còn biểu tượng là một kí hiệu đa nghĩa (kí hiệu hiển ngôn hàm chứa nhiều kí hiệu mật ngôn) biểu hiện những tổng giá trị văn hoá, nhân văn, có nhiều chiều sâu liên tưởng. Biểu tượng cũng là hình tượng, nhưng là hình tượng có khả năng biểu đạt một ý nghĩa có tính bền vững và phổ quát bắt nguồn từ văn hoá, tôn giáo, lịch sử của cộng đồng. Ở mức độ cao hơn, những biểu tượng lớn có cội nguồn xa xưa, thoát thai từ vô thức tập thể có giá trị bền vững, phổ quát được gọi là cổ mẫu (Đất, Nước, Lửa...). Vì vậy, trong nghiên cứu văn học, ta luôn thấy mối quan hệ giữa hình tượng (image) – biểu tượng (symbol) – cổ mẫu (archetype). Truyện ngắn *Mùa hoa cải bên sông* của Nguyễn Quang Thiều có những biểu tượng là những biến thể từ những cổ mẫu Nước hay cổ mẫu Đất của nhân loại.

2.3. Những biểu tượng trong truyện ngắn *Mùa hoa cải bên sông*

2.3.1. Biểu tượng dòng sông

Nguyễn Quang Thiều sinh ra và lớn lên bên dòng sông Đáy hiền hoà thơ mộng, nuôi dưỡng tâm hồn ông từ thuở ấu thơ. Làng Chùa – ngôi làng nghèo bên sông chứa đầy những huyền thoại, những lễ nghi, những tù túng với những người nông dân mộc mạc, giản dị đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác vô tận của nhà văn. Ông yêu quê hương tha thiết, luôn ao ước “Tôi xin ở kiếp sau là một con chó nhỏ/ Để canh giữ nỗi buồn – báu vật cổ hương tôi” (*Bài hát về cổ hương*). Trong kí ức, cổ hương là làng quê nhỏ bé có nhiều nỗi buồn, nơi ông “đã lắng nghe được những đồ vỡ sâu sắc trong đời sống tâm

linh văn hoá”, đã day dứt trước bóng tối của hủ tục, hận thù, ích kỉ, nhỏ nhen vẫn động lại hàng thế kỉ. Trong truyện ngắn *Mùa hoa cải bên sông*, Nguyễn Quang Thiều dựng lên bức tranh cuộc sống đơn độc của gia đình ông Lư giữa dòng sông Đáy với tư tưởng cổ hủ, tự trị, độc đoán. Trên dòng sông lấp lánh, gia đình ông sống trong sự ghẻ lạnh gớm ghiếc của người đời, bị xua đuổi như xua đuổi một thứ ma quỷ gieo rắc cái chết. Bởi vậy ông Lư đã có lời nguyện không ai được đặt chân lên đất liền, cuộc đời họ phải gắn chặt với dòng sông từ khi sinh ra đến khi chết đi. Xuyên suốt tác phẩm, hình ảnh dòng sông trở đi trở lại trở thành biểu tượng chứa đựng nhiều trầm tích văn hoá và ý nghĩa triết lí sâu xa.

Dòng sông – dòng chảy cuộc đời

“Dòng sông là một biểu tượng lưỡng nghĩa bởi vì nó tương ứng với quyền năng sáng tạo của cả tự nhiên lẫn thời gian. Một mặt, nó biểu thị cho sự màu mỡ, tươi tiêu đầy đặn cho đất đai; mặt khác nó biểu tượng cho dòng thời gian bất khả quy hồi” (J.E.Cirlot). Sông nước là dòng chảy tự nhiên, qua trải nghiệm trí tuệ cảm xúc hoá dòng chảy cuộc đời với bao nỗi bồi cung điệu nhớ thương. Sự vận động không ngừng của dòng sông biểu trưng cho dòng chảy vô thường của đời sống với những chuyển vận, thăng trầm. Xưa kia, triết gia Platon từng dùng công thức ngắn gọn ám chỉ ý nghĩa thời gian từ sự chảy trôi của dòng sông: Không ai tắm hai lần trên một dòng sông. Với người Việt, dòng chảy của sông với biết bao buồn vui của đời người, những thăng trầm đổi thay của thời cuộc. Trong nhiều sáng của Nguyễn Quang Thiều, hình ảnh con sông Đáy trở đi trở lại nhiều lần như một ám ảnh nghệ thuật về bước đi của thời gian, của phận người từ lúc ấu thơ cho đến khi trưởng thành, đi và trở về:

*Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi...chiều nay tôi
trở lại*

*Mẹ tôi đã già như cát bên bờ
Ôi mùi cát khô, mùi tóc mẹ tôi
Tôi quỳ xuống vốc cát áp vào mặt
Tôi khóc.*

*Cát từ mặt tôi chảy xuống dòng sông.
(Sông Đáy)*

Trong truyện ngắn *Mùa hoa cải bên sông*, dòng sông là không gian sống, là nơi cả gia

đình ông Lư sinh ra, lớn lên, lênh đèn đuốc mưu sinh nay đây mai đó. Họ sống cuộc đời sông nước, chết đi cũng chôn vùi dưới sông nước. Ông sinh ra trên chiếc thuyền này, ông chỉ biết đến con thuyền và dòng sông. Những đứa con của vợ chồng ông như Sỏi, Cát, Chinh cũng đều được sinh ra trên chiếc thuyền nhỏ ấy ở một khúc sông nào đó. Cuộc đời chúng theo năm tháng cứ lênh đèn đuốc cùng dòng nước, không được đặt chân lên đất liền. Ở đó, người vợ bất hạnh của ông được chôn vùi dưới đáy sông suốt mười hai năm trong cô đơn, lạnh lẽo. Con sông đổ bao nhiêu nước ra biển cũng như có biết bao biến thiên trên đời. Dòng sông ấy đã chứng kiến biết bao sự kiện trong gia đình ông Lư: Đó là khi suốt ba ngày, ông ngồi trên mũi thuyền trước xác vợ hi vọng được chôn cất trên đất liền nhưng bị xua đuổi. Đó là nơi ông từng lặn xuống đáy sâu tìm cho người vợ bất hạnh một nơi yên nghỉ. Ông đã xoa tóc, đốt hương, đổ rượu xuống lòng sông, bắt những đứa con phải ghi lòng tạc dạ lời nguyện: Tất cả những người trong gia đình ông sẽ không bao giờ đặt chân lên mặt đất. Họ sẽ sống một cuộc đời trên sông bởi đất liền là nơi chỉ có quỷ dữ. Cuộc đời này như một dòng sông, mọi vật đều tuôn chảy theo thời gian, ông Lư già đi, nhưng đôi mắt thì vẫn luôn u buồn, ngơ ngác như đánh mất một điều gì. Những đứa trẻ lớn nhanh như thổi trước sự bao dung, che chở của dòng sông. Dòng sông ôm vào mình cả những khô đau, hạnh phúc; khát vọng – tuyệt vọng của con người. Không gian sông nước bao la là nơi diễn ra đám cưới của thằng con trai cả với một cô gái trên một chiếc thuyền khác. Nó nghe được những âm vang, những khát khao được lên đất liền của người con trai thứ hai khi chán cảnh sống như cầm tù trên thuyền. Dòng sông ấy nuôi dưỡng Chinh, cô gái tuổi mười bảy đẹp đẽ, lấp lánh luôn rạo rực, băn khoăn trước vẻ đẹp của đất liền. Cô khao khát được lên bờ để áp má vào những vật, những luống hoa cải vàng rực bên sông. Hơn cả, sông nước mệnh mang ôp áp tình yêu đẹp đẽ của Chinh và Thao. Những đêm trên dòng sông dịu dàng chảy, họ bơi bên cạnh nhau, quần quýt như một đôi cá thần. Dòng sông đã truyền vào cuộc đời họ hạnh phúc và cả khổ đau; lúc như xốn xang, rồi lại im phất lắng nghe những thanh âm hạnh phúc của đôi trẻ. Nhưng rồi, lời nguyện trên sông đã bị

Chinh phá bỏ khi cô dám đặt chân lên đất liền, yêu Thao và có con với Thao. Ngày ông Lư phát hiện ra chuyện động trời ấy, mây đen bỗng cuộn cuộn đổ về, mưa mùa hạ ập xuống như trút nước, đất trời mịt mù, dòng sông như đón đau, xót xa trước phận người khổ đau, tuyệt vọng. Đó là sự tuyệt vọng của cả ông Lư, của Chinh và Thao. Ông Lư quyết định cuộc đời Chinh sẽ mãi mãi phải gắn với dòng sông ấy, con thuyền của ông đã nhổ neo, đi về một hướng nào đó mơ hồ mà Thao cố công kiếm tìm cũng không thể thấy. Dòng sông vô định, mệnh mang như chính kiếp người nổi trôi, bé nhỏ, cô đơn. Con thuyền ấy, dòng sông ấy không chỉ gắn với phận người trong gia đình ông Lư mà còn gắn với những ước mơ hạnh phúc đang dở của Thao đến cuối đời. Thao đã nhiều năm tháng đi dọc bờ sông Đáy tìm Chinh để rồi chỉ nghe được những tin tức mơ hồ về cô gái. Chỉ có những giấc mơ với tiếng khóc của trẻ con âm vang náo nức cả dòng sông là còn mãi vang động. Một phận đời nữa ra đời sau những phận đời chết đi. Vòng sinh tử cuộc đời giống như dòng chảy của sông, mãi mãi đến khi ra biển tím tấp không bờ không bến.

Dòng sông – quyền năng thần thánh

Dòng sông không chỉ là đời sống vật chất mà còn biểu trưng cho giá trị tinh thần của con người. Là một biến thể của cổ mẫu Nước, sông mang vẻ đẹp bồi đắp phù sa, che chở nuôi dưỡng như một người mẹ. Cũng không biết tự bao giờ, người ta nhìn thấy vẻ đẹp dịu dàng tha thiết của người con gái trong dáng hình mềm mại uốn lượn của dòng sông. Chỉ biết rằng, trong văn hoá, văn học Việt Nam, từ lâu, sông đã mang ý nghĩa biểu trưng cho vẻ đẹp của người mẹ - thiên tính nữ: sinh ra, chở che, đón nhận những đứa con trở về. Vẻ đẹp ấy khiến cho mỗi dòng sông đều mang trong mình quyền năng thần thánh: khả năng sinh – diệt – thanh lọc, tẩy rửa – tái sinh. Hình ảnh con sông Đáy trong *Mùa hoa cải bên sông* là một dòng tâm linh, là nguồn sức mạnh, dòng nuôi dưỡng những người sống lênhên trên chiếc ghe cát. Sông như thế giới bí ẩn mà con người không thể khám phá nổi, là nơi lưu giữ linh hồn người mẹ quá cố của Chinh, nơi Chinh và Thao trao nhau tình yêu đầu đời vượt qua những rào cản, định kiến. Sông là chốn bình yên cũng là dòng nước thanh tẩy “Hãy để nước sông đem cuốn đi

mọi bẩn thiu của mặt đất. Đừng chạm tay vào nước sông cho đến sáng mai” [4; tr. 520]. Nước sông thanh tẩy mọi ô uế của cuộc đời để tái tạo sự sống nhưng cũng là nơi huỷ diệt, cầm tù sự sống con người trong những lạc hậu, cổ hủ, định kiến đầy độc đoán của ông Lư.

Dòng sông là sự sống của cả gia đình ông. Họ sống trên thuyền, neo đậu ở nhiều khúc sông khác nhau làm công việc lấy cát rồi bán cho các gia đình trên thị trấn nhỏ bên kia sông đang xây nhà. Sông cho họ nước uống, thức ăn, cho họ công việc để mưu sinh, tồn tại. Sông chứng kiến sự ra đời của chính ông và ba đứa con Sỏi, Cát, Chinh. Yêu sông, cả đời gắn với sông nên tên những đứa con của ông cũng mang hơi thở, dáng hình, sự vật của sông nước. Người vợ của ông là nạn nhân của một mùa hè ghê rợn với dịch bệnh, đói kém. Ông Lư đã ôm xác vợ mình đi đến hai bên sông để xin được chôn cất vợ trên một hố đất nhỏ trên bờ. Nhưng không ai chấp thuận. Người ta sợ dịch bệnh, xua đuổi cả gia đình ông. Cuối cùng, chỉ có dòng sông mệnh mang mở rộng lòng đón nhận mọi số phận khổ đau, nghiệt ngã. Sông đón ông trở về, đó cũng là nơi yên nghỉ của người vợ xấu số. Nếu với Chinh – đứa con gái út của ông, đáy sông lạnh lẽo không phải là nơi ấm áp để mẹ nằm thì với ông Lư, sông nước thật bao dung, đó là nơi trú ngụ an lành nhất. Đi qua đau thương, người đàn ông ấy chọn cho mình bến đậu an toàn – dòng sông; dù cho lựa chọn ấy độc đoán: không cho bất kì ai được đặt chân lên đất liền. Bởi trong nhận thức của người con sông nước ấy, đất liền là nơi của tội ác, lòng dạ con người là quỷ dữ. Ông muốn bảo vệ những đứa con của mình khỏi những ô tạp, tội ác của đất liền bằng một quyền lực độc đoán. Với ông chỉ có sông mới bình yên, an lành, trong trẻo. Chỉ ở trên sông, con người mới được bao dung, chở che. Dòng nước mát lạnh sẽ gột rửa, thanh tẩy những bụi bặm của cuộc đời. Vì vậy, ông Lư luôn nhắc những đứa con của mình: Nếu chúng để gót chân chạm vào mặt đất đôi bờ thì trái tim chúng sẽ biến thành trái tim quỷ, chúng sẽ trở thành những con thú độc ác. Sông không chỉ là nơi bắt đầu sự sống mà còn là nơi nuôi dưỡng sự sống. Chinh – người con gái út của ông Lư lớn lên với vẻ đẹp căng tràn nhựa sống “khoẻ mạnh, dịu dàng và âm vang như dòng sông”. Dòng sông cũng là cầu nối cho tình yêu

trong trẻo của Chinh và Thao. Họ gặp nhau ở bên sông ấy, biết bao đêm cả hai thả mình xuống sông để cảm nhận được dòng chảy dịu dàng, reo vui của dòng nước. Họ quân quýt với nhau như đôi cá thân và dòng sông cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc thiêng liêng của đôi trẻ. Những ngọn sóng reo vui nhảy nôi nhau loan báo tin vui cho các loài thủy tộc. Quanh họ những con cá bay lên khỏi mặt nước như một mảnh trăng con lấp lánh.

Sông không chỉ là sự sống, là nơi nuôi dưỡng, chở che; sông còn là nơi ẩn chứa những bí ẩn của hiểm nguy, chết chóc và những u tối, lạc hậu của con người. Ông Lư đã gieo vào những đứa con tình yêu, sự gắn bó với sông và nỗi ghê sợ đất liền. Vì vậy, Sỏi – người con trai cả luôn ám ảnh “Trên bờ có cái quái gì mà lên... Ngày xưa ở trên bờ tao thấy chúng nó suốt ngày cãi chửi nhau” [4; tr. 519] và chỉ muốn gắn cả cuộc đời với dòng sông để làm gì làm, không phải động chạm đến đứa nào. Nhưng với hai người con Cát và Chinh dù bao năm không để bàn chân chạm đất, chúng vẫn buồn bã trước sự độc đoán, cổ hủ trong lời nguyên của người cha, khát khao được lên bờ. Với Cát, sống trên thuyền là cuộc sống bị cầm tù, không còn tự do. Dù đất liền có là một cái nhà tù thì cái nhà tù đó vẫn hơn cái nhà tù trên thuyền. Sống lênh đênh trên sông nước là cuộc sống tạm bợ, nay đây mai đó. Những đứa trẻ mù chữ, không được học hành; không biết thế giới bên ngoài kia đẹp thế nào, rực rỡ, văn minh thế nào. Sự ngu dốt, lạc hậu đã cầm tù tất cả. Trong cái nhìn của Cát, ông Lư chính là người cha độc đoán, đầy định kiến, tự cho mình cái quyền “bỏ tù” mọi thành viên trong gia đình “Ông bỏ tù chính ông, bỏ tù một cặp đực cái, bỏ tù một thằng hèn hạ như tôi, bỏ tù cả con bé đẹp nhưng mù chữ. Tất cả ả đái xuống dòng sông rồi lại nói nước sông trong sạch, lấy nước sông ăn, lấy nước sông uống” [4; 519]. Anh ta nhận thức được đời sống nhưng tự cho mình là một kẻ hèn hạ: khao khát được lên bờ nhưng không dám đấu tranh, không dám trái lời cha và mãi uất ức, đau khổ, xót xa. Chỉ có Chinh – vì những khát khao mãnh liệt được chạm vào những bông hoa cải ướt sương đêm mà đã rũ bỏ lời nguyên. Màu hoa cải bên sông vàng tươi, ấm áp, một màu vàng xôn xao luôn thôi thúc cô phải lên bờ. Tâm trí cô thiếu nữ không thể nào

rời khỏi thảm hoa vàng mà mỗi khi có gió chạy qua lại rợn lên như sóng. Tuổi mười bảy, Chinh đẹp dịu dàng, phập phồng, nóng hổi. Cô nhạy cảm với tất cả những biến chuyển xung quanh mình: Từ tiếng nước sông chảy trong đêm đến tiếng reo của ngọn lửa; từ mùi hương ổi chín từ ngoài bãi sông đưa lại đến tiếng của bầy chim ri từ những lùm dừa dại ven đê đưa về. Chinh muốn đưa mẹ rời khỏi đáy sông lạnh sâu lên chôn ở bờ. Đó là cách Chinh khước từ cuộc sống trên sông. Không phải cô không yêu sông, cô hạnh phúc khi được thả mình xuống dòng nước như một nàng tiên cá trong truyện cổ để cảm nhận sự chở che của dòng sông như người mẹ. Dòng sông tôn lên vẻ đẹp của Chinh lóng lánh như một giọt thủy ngân lắng dần xuống đáy sông. Chinh gắn bó với sông tha thiết, chỉ có điều, hình như Chinh nhận ra, cuộc sống trên đất liền không xấu xí như người cha nói. Chinh vượt qua định kiến để có tình yêu với Thao, tình yêu ấy đẹp đẽ nhưng mỏng manh, trong suốt như tờ nhện. Tình yêu của họ được trời đất nâng đỡ, yêu thương là thứ ánh sáng đẹp đẽ, thiêng liêng nối kết dòng sông – đất liền, khổ đau – hạnh phúc, cổ hủ – văn minh... Người đọc cứ ngỡ tình yêu ấy có thể giải được những thù hận, đưa con người đến hạnh phúc thì kết thúc lại cho ta những ám ảnh, xót xa. Chinh còn sống hay đã chết cùng đứa con trong bụng? Và như thế, nước – dòng sông từ vai trò là mạch sự sống đã trở thành chất liệu của tuyệt vọng, là thứ “nước khép kín, mang cái chết trong lòng nó” (Bachelard). Nhà văn như đang tự đặt ra câu hỏi từ một kết thúc mở đầy tính huyền hoặc của câu chuyện: Có biết bao phận đời vẫn khổ, vật lộn mưu sinh; vẫn sống trong u mê, tăm tối. Phải làm sao để con người nhận thức bước qua được bóng tối để nhận ra ánh sáng cuộc đời. Phải làm sao mà cả trên dòng sông hay mặt đất, con người vẫn được gột rửa, thanh tẩy khỏi những tội hiềm, bon chen, tội ác của chính con người.

Dòng sông trong truyện ngắn vừa mang những vẻ đẹp của dạng cổ mẫu Nước – là cội nguồn của sự sống, nuôi dưỡng, thanh tẩy, tái sinh cũng mang cả cái nhìn văn hoá riêng của nhà văn. Đó là dòng sông đặc trưng cho làng Chùa quê ông – một ngôi làng bé nhỏ cạnh sông Đáy với nhiều phận đời mòn mỏi, u tối, định kiến. Dòng sông nhuộm trong mình cả

những lời nguyện và biết bao câu chuyện huyền hoặc của những người dân quê. Những trần trở của nhà văn thông qua biểu tượng con sông ấy là trần trở muôn đời không hồi kết về đời người và phận người hướng đến cuộc sống hạnh phúc hơn.

2.3.2. Biểu tượng mặt đất

Trong truyện ngắn, đất liền (thoát thai từ cổ mẫu Đất) cũng là biểu tượng xuất hiện nhiều lần với ý nghĩa vừa đối lập, vừa bổ sung với biểu tượng dòng sông. Về mặt trực quan “đất cứng cáp, đục thô, ổn định, rộng rãi, tràn ngập cây cối, nuôi sống muôn loài, đất như người mẹ có sức sản sinh và tái sinh, bền bỉ trong một nhịp điệu âm thầm và bao dung” [1; tr.25]. Như vậy, đất liền và dòng sông đều có những ý nghĩa trùng lặp như mang tính âm, cố định, luân chuyển, tạo nên sự sống, tái sinh và che chở cho con người.

Mặt đất – Nơi chứa “những trái tim quý dữ”

Hai bên bờ sông Đáy là nơi con người sinh sống, mưu sinh. Đó là không gian lưu giữ những trầm tích văn hoá, những phong tục, thậm chí cả những hủ tục, lễ thói, nếp sống của người làng quê. Nó chứng kiến sự thăng trầm của biết bao phận người, vừa thực vừa ảo, vừa gần vừa xa. Người ở xóm trại bên bến Chùa chủ yếu là những người dân lao động nghèo, cuộc đời của họ nhuốm những định kiến, đau thương và cả những câu chuyện huyền hoặc. Với họ, đất là không gian sống gần gũi quen thuộc gắn bó bao đời. Còn với ông Lư, đó là nơi khiến trái tim con người thành trái tim quý dữ. Những người trên đất liền đã xua đuổi gia đình ông, không để cho ông được chôn cất xác người vợ xấu số ở trên bờ. Trong ba ngày ngồi trên thuyền trông xác vợ, ông mang nỗi uất hận khủng khiếp với đất liền và con người ở đây. Từ đó, gia đình ông sống trong lời nguyện: không được chạm chân lên bờ. Những ngày tháng lênh đênh trên con thuyền từ khúc sông này đến khúc sông khác, ông nhìn thấy cuộc sống trên bờ là nơi người ta tranh giành, tị hiềm, cãi cọ, chỉ có sự tàn ác, không còn sự bao dung, yêu thương. Định kiến ấy trở thành sự độc đoán, ấu trĩ. Ông thương con, muốn bảo vệ những đứa con khỏi ô tạp của đời sống con người trên đất liền mà không hề biết rằng, tình yêu ấy đã cầm tù chúng trong hủ tục, lạc hậu, khổ đau. Những đứa trẻ không được đến

trường, không được sống giữa cộng đồng, phải chấp nhận cuộc sống nổi trôi, bấp bênh, nghèo đói. Ông Lư không lo lắng gì khi thả con xuống dòng sông ngay cả mùa nước lớn nhưng ông lại lo sợ nếu con gái ông chạm chân vào đất đôi bờ. Khi thấy xác một người trên dòng sông đã rửa toả mùi tanh nồng nặc, ông bảo với các con rằng người trên mặt đất họ giết nhau như thế đấy. Cả ngày hôm đó ông không cho ai được chạm tay vào dòng sông cho đến sáng mai, phải đợi dòng sông thanh rửa hết tội ác, bản thủ của đất liền. Khi nghe thấy thằng Cát có ý định lên bờ, ông quả quyết sẽ chặt đứt chân nó rồi vứt lên bờ để xem rồi nó có phải bỏ về với dòng sông không. Khi phát hiện ra Chinh đã có thai với Thao, ông đã dùng rìu chặt đứt mái tóc của người con gái. Cầm cán các con lên bờ là việc ông dùng quyền lực để đẩy ả chúng phải sống một cuộc đời tăm tối vô nghĩa “Ông đã chôn vùi bà mẹ dưới đáy sông lạnh lẽo tối tăm, ông đã chôn vùi cuộc đời con cái ông trên chiếc thuyền này” [4; tr.521]. Đã bao lần Chinh van xin cha đưa mẹ lên bờ, nhưng lần nào ông cũng nhìn cô bằng đôi mắt đỏ ngầu, u uất “Không đứa nào trong nhà này được nói đến điều đó. Ông rít lên. Không đứa nào được giẫm lên lời nguyện của ta” [4; tr. 518]. Nhưng ngay sau đó chính lòng ông đau khổ, giãy vò. Ông nhìn con xót xa. Có lẽ ông Lư hiểu được nỗi khổ của chính mình và các con khi lênh đênh sống trên sông. Nhưng định kiến với đất liền khiến ông trở nên bảo thủ và độc đoán như thế. Thao muốn đưa họ lên bờ, muốn Chinh được học chữ, được có quyền sống hạnh phúc như bao người bình thường khác. Thao thương cho số phận của những con người đã bị đẩy ả trong cuộc đời tối tăm vô nghĩa.

Đất liền – nơi sự sống, tình yêu vậy gọi

Đất liền cũng là nơi Chinh khát khao cháy bỏng được chạm đến. Thuở mẹ cô còn sống, cô vẫn được mẹ đưa lên bờ đi chợ hoặc kiểm củi khô trên những bãi vãi, bãi ổi ven sông và anh trai cô vẫn được đến trường học chữ. Nhưng sau ngày mẹ mất, anh em cô không ai dám bước chân lên bờ. Dù vậy, đất liền vẫn là không gian sống đầy hấp dẫn gọi mời Chinh. Cô thèm khát được đặt chân lên cát mịn phù sa, được nằm trên thảm cỏ xanh ven đê làng. Chinh nhạy cảm, xao xuyến, tim đập dồn dập như khi được những vang động của tiếng lá ngô khua xào

xạc, khi được ngửi thấy mùi dầu ngô non dịu ngọt, mùi cỏ non hăng hăng. Con mắt của cô hướng theo màu vàng ươm ươm, xôn xao của những vật hoa cải bung nở bên bờ sông. Đất liền với ông Lư là địa ngục thì với Chinh đẹp như một giấc mơ cổ tích. Ở đó có gì nao nức cứ thôi thúc, vẫy gọi cô. Chinh trốn cha, phá bỏ lời nguyên của gia đình để được lên bờ áp môi mình vào hết chùm hoa này đến chùm hoa khác. Cũng từ những vật hoa ấy, cô gặp Thao rồi tình yêu nảy nở. Những đêm Chinh và Thao gặp nhau, ánh trăng rải vàng mặt đất, những chùm hoa cải ướt sương rung rinh trong gió, mặt sông lóng lánh. Không gian tình yêu của họ vừa rung lên những khao khát bản năng, vừa trong trẻo, mỏng nhẹ như sương đầy huyền ảo. Tình yêu ấy chính là cầu nối phá bỏ lời nguyên suốt bao năm của người cha, là hành trình con người phá bỏ những hủ tục, định kiến để tìm đến hạnh phúc. Hoa cải, một loài hoa giản dị bên sông trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp giản dị nhưng thanh khiết của con người. Mùa hoa cải chính là mùa tình yêu, mùa sự sống, mùa hạnh phúc níu con người về với nhau. Mẹ của Chinh cũng được đưa lên chôn cất trên bờ, gần những vườn hoa cải. Chinh hạnh phúc khi tìm được cho mẹ một nơi ở ấm áp, trở về giữa cộng đồng chứ không cô đơn giữa đáy sông lạnh lẽo. Những bông hoa vừa thực vừa ảo, lấp lánh vàng dưới ánh trăng là nhân chứng cho sự kết nối trở lại của con người. Vì người cha, bao năm gia đình Chinh đã tự tách biệt mình với đất liền. Ông Lư đã tự ngắt đứt sợi dây vô hình với thế giới bên ngoài. Họ thu mình sống dưới sông, cô đơn tách biệt với con người. Ông Lư cho đó là phương cách để được an lành, hạnh phúc mà không hề biết rằng đang sống trong mê muội, cổ hủ giữa thế giới loài người. Khi trời âm lên, những cánh hoa cải rụng mỗi ngày một nhiều, Thao lại gặt mình sợ hãi. Anh cứ cảm thấy rằng khi cánh hoa cuối cùng rụng xuống thì Chinh cũng biến mất. Khi phát hiện ra Chinh mang thai, ông Lư đã đưa thuyền đi xa để lại Thao khắc khoải, đau đớn. Trong những cơn mê hoang hoải, anh nhìn thấy Chinh trở về, nhìn thấy những vật hoa cải vàng bên sông Đáy, nhìn thấy dòng sông lấp lánh với âm thanh vang vọng của tiếng trẻ thơ. Những câu hỏi của Thao đây khắc khoải “Bao giờ thuyền về?”. Trong hành trình đến với hạnh phúc,

Chinh và Thao không thể tìm được nhau, nhưng hoa cải vàng rực cả bãi sông thì còn mãi. Những cánh hoa nhỏ nhắn, mềm mại, ươm ươm đung đưa trong gió khiến trái tim Thao rung lên những nhịp đập hồi hã. Giữa không gian nửa hư nửa thực, hình như Thao thấy trên mặt phù sa lấp lăm lấp lăm những cánh hoa mỏng và từ đó kéo dài xuống bên sông là những dấu chân mỏng và nhỏ nhắn. Đó có phải là những dấu chân của Chinh? Những màu sắc huyền hoặc làm cho *Mùa hoa cải bên sông* còn mãi âm vang trong lòng người đọc những câu hỏi băn khoăn về sự sống con người. Những phận đời bé nhỏ bên bờ sông Đáy còn sống trong lạc hậu, khổ đau nhưng họ vẫn luôn khát khao, kiếm tìm những hạnh phúc bé nhỏ, giản dị.

3. KẾT LUẬN

Tác giả Thiên Sơn từng nhận định về văn xuôi Nguyễn Quang Thiều “Truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều hấp dẫn bởi chất thơ, những chi tiết độc đáo và cả màu sắc kì ảo, chiều sâu nhân văn và triết lí”. Thông qua các biểu tượng ẩn chứa giá trị văn hoá cao, ông đã tạo nên diện mạo mới cho truyện ngắn thời kì đổi mới. Dòng sông Đáy quê hương ông không chỉ nặng trĩu phù sa châu thổ mà còn trở thành biểu tượng của yêu thương, nghĩa tình, là điểm tựa tinh thần của con người xa xứ. Dòng sông là nơi trú ngụ an lành của những kiếp đời lênh đênh, thanh tẩy ô tạp cuộc đời nhưng cũng là nơi lưu giữ những cổ tục, lạc hậu kìm toả hạnh phúc con người. Và vì thế, đất liền, bờ sông, bãi sông nơi có những vật hoa cải vàng rực lấp lánh trở thành nguồn ánh sáng vẫy gọi những hào hứng khám phá của con người. Làm sao dù trên dòng sông hay đất liền, phận người có thể xoá bỏ những tị hiềm, tranh giành, độc đoán cầm tù nhau là câu hỏi nhân sinh lớn nhất mà nhà văn gửi gắm đến bạn đọc qua những biểu tượng đặc sắc trong truyện ngắn này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cheralier Jean, Greerbrant Alain (2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Phạm Vĩnh Cư dịch, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
2. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng – một số hướng tiếp cận lí thuyết*, NXB Thế giới, Hà Nội.

3. Đoàn Tiến Lực (2016), *Biểu tượng sông trong văn học Việt Nam*, <http://huc.dspace.vn/handle/DHVVH/5910>

4. Nhiều tác giả (2003), *Truyện ngắn Văn nghệ quân đội 1957 – 2007*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

5. Nguyễn Thị Thanh Xuân (2009), *Đi tìm cổ mẫu trong văn học Việt Nam*, <http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/122-i-tim-c-mu-trong-vn-hc-vit-nam.html>.

SYMBOLS IN THE SHORT STORY CANOLA FLOWERS SEASON BY THE RIVER BY NGUYEN QUANG THIEU

Phu Thuy Hương
Tay Bac University

Abstract: *Literary symbol is a special type of sign, conveying profound cultural meanings. Therefore, decoding the symbol is using the golden key to open the door to bring readers to discover the "sacred place" of the castles of art. In the short story Canola flower season by the river, writer Nguyen Quang Thieu used the symbols of rivers and the mainland with perceptions of the relationship between life - death; destruction – rebirth; fracture – connection; unclean - purification, cleansing; backward - civilized... The article initially surveys and finds out the cultural and human meaning through these symbols.*

Keywords: *Symbol, short story, Canola flower season by the river, Nguyen Quang Thieu*

Ngày nhận bài: 3/31/2023

Ngày nhận đăng: 6/29/2023